

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ HK1/2021-2022
HỆ CAO HỌC

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21- 22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp	Ghi chú
1	17025069	Bùi Văn Minh	0	3,334,500	3,334,500		3,334,500	Đ.chính theo QĐ 1052/QĐ- CTSV
2	17025010	Phạm Văn Đắc	0	0	0		0	Đ.chính theo QĐ 1052/QĐ- CTSV
3	17025034	Nguyễn Mạnh Thắng	0	0	0		0	Đ.chính theo QĐ 963/QĐ- CTSV
4	17025075	Nguyễn Việt Dũng	0	3,334,500	3,334,500	8,336,250	-5,001,750	Đ.chính theo QĐ 1052/QĐ- CTSV
5	17025076	Hà Thị Hào	0	3,334,500	3,334,500	8,336,250	-5,001,750	Đ.chính theo QĐ 1052/QĐ- CTSV
6	17025081	Lã Thị Thanh Nga	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
7	17025082	Nguyễn Anh Ngọc	0	3,334,500	3,334,500	8,336,250	-5,001,750	Đ.chính theo QĐ 1052/QĐ- CTSV
8	17025133	Nguyễn Thị Liên	0	3,334,500	3,334,500	8,336,250	-5,001,750	Đ.chính theo QĐ 1052/QĐ- CTSV
9	17025057	Đông Văn Tài	0	0	0	8,336,250	-8,336,250	Đ.chính theo QĐ 1052/QĐ- CTSV
10	17025059	Phạm Minh Tuấn	0	0	0		0	Đ.chính theo QĐ 1052/QĐ- CTSV
11	17025061	Đình Văn Việt	0	0	0		0	Đ.chính theo QĐ 1052/QĐ- CTSV
12	17025095	Kiều Hải Đăng	0	3,334,500	3,334,500	8,336,250	-5,001,750	Đ.chính theo QĐ 1052/QĐ- CTSV
13	17025096	Trịnh Xuân Đồng	0	3,334,500	3,334,500		3,334,500	Đ.chính theo QĐ 1052/QĐ- CTSV
14	17025103	Phạm Nhật Linh	0	1,667,250	1,667,250		1,667,250	Đ.chính theo QĐ 963/QĐ- CTSV

15	17025106	Nguyễn Quang Nam	0	3,334,500	3,334,500		3,334,500	Đ.chính theo QĐ 1052/QĐ-CTSV
16	17025107	Nguyễn Hồng Thanh	0	3,334,500	3,334,500	8,340,000	-5,005,500	Đ.chính theo QĐ 1052/QĐ-CTSV
17	17025071	Bùi Thanh Hoa	0	3,334,500	3,334,500	8,336,250	-5,001,750	Đ.chính theo QĐ 1052/QĐ-CTSV
18	17025072	Phùng Thị Hương	0	3,334,500	3,334,500	8,336,250	-5,001,750	Đ.chính theo QĐ 1052/QĐ-CTSV
19	18025041	Đỗ Đức Tâm	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	
20	18025043	Phạm Tuấn Anh	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	
21	18025051	Phạm Thế Vĩnh	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	
22	18025076	Khuất Duy Huy	-477,000	8,336,250	7,859,250		7,859,250	
23	18025077	Đặng Thế Linh	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
24	18025002	Nguyễn Công Chiến	0	0	0		0	Đ.chính theo QĐ 963/QĐ-CTSV
25	18025006	Đỗ Hồng Giang	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
26	18025008	Nguyễn Thị Huyền	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	
27	18025015	Nguyễn Công Thắng	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	
28	18025018	Hà Minh Tuấn	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	
29	18025040	Khuất Thanh Sơn	-81,000	8,336,250	8,255,250		8,255,250	
30	18025083	Sảng Khôm Sêng Sụ Li Chăn	0	0	0		0	Đ.chính theo QĐ 963/QĐ-CTSV
31	18025024	Nguyễn Văn Đạt	0	8,336,250	8,336,250	8,340,000	-3,750	
32	18025028	Nguyễn Anh Tú	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
33	18025053	Nguyễn Văn Công	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	
34	18025057	Trương Ngọc Kiên	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	
35	18025032	Đậu Hồng Quân	-180,000	0	0		-180,000	Đ.chính theo QĐ 963/QĐ-CTSV
36	18025033	Cung Văn Trang	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	
37	18025070	Nguyễn Như Cường	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
38	18025036	Lê Minh Đức	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	
39	18025038	Bùi Ngọc Quang	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	
40	18025063	Trần Thu Trang	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
41	18025064	Nguyễn Mạnh Tuấn	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	
42	18025065	Chu Thừa Vũ	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
43	18025039	Nguyễn Tuấn Anh	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
44	18025068	Phùng Quang Luyện	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	

44	18025003	Đỗ Đức Cường	577,500	8,336,250	8,913,750		8,913,750	Bổ sung thu theo QĐ 963/QĐ-CTSV
44	18025004	Nguyễn Thanh Cường	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	Bổ sung thu theo QĐ 963/QĐ-CTSV
44	18025007	Nguyễn Hữu Hải	0	8,336,250	8,336,250	8,775,000	-438,750	Bổ sung thu theo QĐ 963/QĐ-CTSV
44	18025012	Đào Đại Nghĩa	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	Bổ sung thu theo QĐ 963/QĐ-CTSV
45	19025001	Nguyễn Văn Tiến	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
46	19025018	Trần Tuấn Minh	0	5,001,750	5,001,750	5,001,750	0	
47	19025019	Nguyễn Công Thao	0	5,001,750	5,001,750		5,001,750	
48	19025002	Phạm Gia Huy	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	
49	19025003	Dương Tuấn Nhật	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	
50	19025023	Phan Thị May	0	5,001,750	5,001,750	10,003,500	-5,001,750	
51	19025004	Nguyễn Văn Hiếu	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	
52	19025006	Nguyễn Hoàng Quân	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
53	19025007	Ngô Xuân Trường	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
54	19025008	Bùi Ngọc Tùng	0	1,667,250	1,667,250	8,336,250	-6,669,000	Đ.chỉnh theo QĐ 963/QĐ-CTSV
55	19025010	Đỗ Như Vỹ	0	8,336,250	8,336,250	8,337,000	-750	
56	19025025	Nguyễn Hoàng Anh	0	5,001,750	5,001,750	5,001,750	0	
57	19025026	Nguyễn Tuấn Anh	0	5,001,750	5,001,750	5,001,750	0	
58	19025028	Trần Xuân Đạt	0	5,001,750	5,001,750	5,001,750	0	
59	19025029	Nguyễn Quang Minh	0	5,001,750	5,001,750	5,001,750	0	
60	19025030	Nguyễn Hữu Quang	0	5,001,750	5,001,750	5,001,750	0	
61	19025032	Lương Thị Kim Thoa	0	5,001,750	5,001,750		5,001,750	
62	19025034	Nguyễn Đình Tuấn	0	5,001,750	5,001,750	5,001,750	0	
63	19025035	Nguyễn Hoàng Tuấn	0	5,001,750	5,001,750	5,001,750	0	
64	19025043	Vương Quang Huy	0	5,001,750	5,001,750	5,001,750	0	
65	19025044	Nguyễn Đức Thắng	0	5,001,750	5,001,750	5,002,000	-250	
66	19025045	Vũ Minh Trung	0	5,001,750	5,001,750		5,001,750	
67	19025011	Trần Xuân Tinh	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	
68	19025012	Nguyễn Quốc Trịnh	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	
69	19025013	Lâm Văn Tùng	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	
70	19025037	Nguyễn Văn Hiệp	0	5,001,750	5,001,750	5,002,000	-250	

71	19025038	Đặng Tiến Long	0	5,001,750	5,001,750	5,001,750	0	
72	19025039	Mai Thanh Minh	0	5,001,750	5,001,750		5,001,750	
73	19025040	Nguyễn Quang Huy	-35,500	5,001,750	4,966,250	5,000,000	-33,750	
74	19025041	Nguyễn Trọng Sinh	0	5,001,750	5,001,750	5,001,750	0	
75	19025014	Lưu Văn Quỳnh	0	1,667,250	1,667,250	8,336,250	-6,669,000	Đ.chính theo QĐ 963/QĐ- CTSV
76	20025001	Hoàng Đăng Kiên	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
77	20025002	Nguyễn Thị Thu Trang	0	8,336,250	8,336,250	8,337,000	-750	
78	20025003	Nguyễn Giang Tuấn	0	8,336,250	8,336,250	8,340,000	-3,750	
79	20025004	Nguyễn Hữu Duy	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
80	20025005	Thái Tiến Dũng	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
81	20025007	Đinh Thị Hòa	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	
82	20025008	Trần Văn Hưng	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
83	20025009	Lê Thu Hương	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
84	20025010	Nguyễn Thị Minh	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
85	20025011	Nguyễn Bá Tiến	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
86	20025012	Nguyễn Ngọc Tiến	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
87	20025013	Trần Văn Trung	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
88	20025014	Nguyễn Thanh Bình	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
89	20025016	Trần Văn Cường	0	8,336,250	8,336,250	8,400,000	-63,750	
90	20025017	Nguyễn Đình Dũng	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	
91	20025018	Phạm Tuấn Dũng	0	8,336,250	8,336,250	8,337,000	-750	
92	20025019	Nguyễn Văn Đức	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	
93	20025020	Trần Đăng Hòa	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
94	20025021	Nguyễn Văn Hoàn	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
95	20025022	Dương Văn Huy	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
96	20025023	Nguyễn Thị Huyền	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
97	20025024	Nguyễn Mạnh Hùng	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	
98	20025025	Nguyễn Sinh Hùng	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
99	20025027	Trần Lâm	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
100	20025028	Vũ Thái Linh	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
101	20025029	Hoàng Long	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
102	20025030	Phù Văn Quát	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
103	20025031	Nguyễn Thành Sơn	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
104	20025032	Nguyễn Trọng Tài	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	
105	20025033	Nguyễn Chí Thanh	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
106	20025034	Trần Phương Thảo	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
107	20025035	Đoàn Thị Hoài Thu	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
108	20025036	Trương Đức Toàn	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
109	20025037	Trương Tiến Toàn	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	
110	20025038	Đặng Quang Trung	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250	
111	20025039	Nguyễn Thành Trung	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	
112	20025041	Trần Đức Trung	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0	

113	20025042	Ngô Kiên Tuấn	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0
114	20025043	Hoàng Anh Tú	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0
115	20025044	Trần Mạnh Tùng	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0
116	20025045	Nguyễn Thành Vinh	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0
117	20025046	Nguyễn Quang Bách	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0
118	20025047	Quách Đức Bình	0	8,336,250	8,336,250	16,672,500	-8,336,250
119	20025048	Vũ Tuấn Hưng	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0
120	20025050	Đặng Thị Mến	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
121	20025051	Trần Đình Nam Sơn	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0
122	20025052	Nguyễn Đức Thọ	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0
123	20025053	Khuong Tuấn Dũng	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
124	20025054	Trần Chính Đoàn	0	8,336,250	8,336,250	8,337,000	-750
125	20025055	Đình Hữu Đức	50,000	8,336,250	8,386,250		8,386,250
126	20025056	Trần Thanh Hằng	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0
127	20025057	Phạm Xuân Lộc	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0
128	20025058	Nguyễn Trường Sơn	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0
129	20025059	Nguyễn Văn Tăng	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
130	20025060	Nguyễn Văn Thành	50,000	8,336,250	8,386,250		8,386,250
131	20025061	Nguyễn Đức Tiến	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0
132	20025062	Trần Hữu Hà	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0
133	20025063	Nguyễn Tiến Mạnh	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
134	20025064	Đình Bảo Minh	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0
135	20025065	Nguyễn Quang Sang	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0
136	20025066	Đỗ Hải Sơn	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0
137	20025067	Hà Xuân Sơn	0	8,336,250	8,336,250	8,400,000	-63,750
138	20025068	Nguyễn Thị Hằng	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0
139	20025069	Trần Đức Mạnh	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0
140	20025070	Vũ Thị Ngọc Khánh	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
141	20025071	Hoàng Văn Thành	0	8,336,250	8,336,250	8,337,000	-750
142	20025072	Nguyễn Trọng Vinh	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
143	21025023	Nguyễn Văn Tuấn	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0